

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Bản án số: 13/2024/HS-ST
Ngày 26-3-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Quyết

Bà Lê Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại điểm cầu Trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Ngõ 262 đường Nguyễn Hữu Cầu, tổ dân phố số 9, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng và điểm cầu thành phần: Tại Trại tạm giam - Công an thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Xã Chiến Thắng, Hện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 07/2024/TLST-HS ngày 26/02/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HS ngày 14/3/2024 đối với các bị cáo:

1. ĐOÀN VĂN C, sinh ngày 13 tháng 3 năm 1987 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn M, sinh năm 1961 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1962; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 01/2004/HS-ST ngày 14/01/2004 của Tòa án nhân dân Huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và Bản án số 47/2005/HS-ST ngày 02/12/2005 của Tòa án nhân dân Huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đều đã xóa án tích); tại Bản án số 09/2009/HS-ST ngày 18/01/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt

09 năm tù về tội “Cướp tài sản”, 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 01 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giữ”, tổng hợp bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 12 năm tù. Ngày 21/9/2018, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, tính đến thời điểm phạm tội lần này đã được xóa án tích; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/9/2023 đến ngày 21/9/2023 cHèn tạm giam; có mặt;

2. PHẠM VĂN Q, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1988 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, Huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1960 (đã chết) và bà Trần Thị D, sinh năm 1963; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” với thời hạn 03 tháng theo Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Ủy ban nhân dân xã Đại Hợp, Huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (phạm tội trong thời gian đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính); nhân thân: Tại Bản án số 06/2017/HS-ST ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân Huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng xử phạt 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/9/2023 đến ngày 21/9/2023 cHèn tạm giam; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Q: Bà Trương Thị Hòa, sinh năm 1985 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; địa chỉ Trung tâm: Số 112, đường Lê Dẩn, phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; có mặt;

Người làm chứng: Anh Đinh Văn Đ, anh Đỗ Văn H, anh Nguyễn Đình D; vắng mặt, đều đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội Dng vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Văn C, Phạm Văn Q, Đinh Văn Đ đều là đối tượng nghiện ma túy, quen biết xã hội với nhau. Sáng ngày 16/9/2023, C vào khu vực đường tàu thuộc quận L, thành phố Hải Phòng mua của một người đàn ông không quen biết 1.500.000 đồng ma túy “Đá”. Sau đó, C sử dụng cân tiểu ly chia ma túy ra 01 túi nilon nhỏ làm mẫu rồi dùng tay chia số ma túy còn lại ra các túi nilon nhỏ khác. Tổng cộng, C chia ma túy ra 15 túi nilon, mục đích để bán 01 túi ma túy với giá 300.000 đồng, C sẽ được hưởng lợi 200.000 đồng/01 túi ma túy.

Từ ngày 16/9/2023 đến ngày 19/9/2023, C đã 02 lần bán trái phép chất ma túy cho Phạm Văn Q, mỗi lần 01 túi với giá 300.000 đồng; 02 lần bán trái phép chất ma túy cho Đinh Văn Đ, mỗi lần 01 túi với giá 300.000 đồng. Tổng cộng 04 lần bán ma

túy, C thu về 1.200.000 đồng, thu lợi bất chính được 800.000 đồng từ việc bán ma túy, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 16/9/2023, tại phía trước cửa nhà nơi C ở thuộc tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng, C bán cho Đ 01 túi nilon chứa ma túy “Đá” với giá 300.000 đồng. Đ mang về nhà sử dụng một mình hết số ma túy trên.

Lần thứ hai: Khoảng 13 giờ 00 ngày 16/9/2023, tại phía trước cửa nhà nơi C ở, C bán cho Q 01 túi nilon chứa ma túy “Đá” với giá 300.000 đồng. Q mang về nhà sử dụng một mình hết số ma túy trên.

Lần thứ ba: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 19/9/2023, Đ dùng điện thoại của Đ gọi vào điện thoại của C để hỏi mua ma túy. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 15F1-251.34 đến nhà C, mua của C 01 túi nilon chứa ma túy “Đá” với giá 300.000 đồng. Khi Đ mang theo gói ma túy vừa mua được của C, điều khiển xe mô tô đi về đến đoạn đường thuộc tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng thì bị lực lượng Công an quận Đồ Sơn phát hiện thấy có biểu hiện nghi vấn, tiến hành kiểm tra, bắt quả tang, thu giữ 01 túi nilon có chứa chất nghi là ma túy, Đ khai nhận đó là ma túy “Đá” Đ vừa mua của C, nên bị tạm giữ cùng vật chứng.

Lần thứ tư: Khoảng 12 giờ 30 ngày 19/9/2023, Q dùng điện thoại của Q gọi vào điện thoại của C hỏi mua ma túy về sử dụng, C đồng ý. Khoảng 12 giờ 50 phút ngày 19/9/2023, Q điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 15KI - 279.67 mượn của anh Đỗ Văn H, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã Đ, Huyện K, thành phố Hải Phòng để chở anh H đến nơi C ở. Khi đến nơi, Q bảo H đứng ở ngoài chờ, Q vào gặp mua của C 01 túi nilon chứa ma túy “Đá” với giá 300.000 đồng. Ngay sau khi Q đưa tiền, C đưa ma túy thì cùng bị lực lượng Công an quận Đồ Sơn bắt quả tang, thu giữ của Q 01 túi nilon có chứa chất nghi là ma túy, thu giữ của Đoàn Văn C 01 hộp giấy chứa 07 túi nilon có chứa chất nghi là ma túy và số tiền 900.000 đồng. C, Q cùng khai nhận trong 08 gói nilon bị thu giữ đều có chứa ma túy “Đá”. Nên cả hai đều bị tạm giữ cùng vật chứng.

Vật chứng thu giữ:

+ Thu giữ của Đ: 01 túi nilon dạng túi zip có viền màu xanh kích thước (02 x 02) cm bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 12 màu đen (chuyển chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn); 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 15F1 - 251.34, đã trả chủ sở hữu hợp pháp - chị Đỗ Thị Thanh H nhận lại;

+ Khi bắt quả tang C, thu giữ tại hiện trường: 01 hộp giấy vuông màu đen, bên trong gồm 01 túi nilon dạng túi zip màu trắng, mép viền màu cam, kích thước (05 x 6) cm; 01 túi nilon dạng túi zip màu trắng, viền màu đỏ; 05 túi nilon dạng túi

zip màu trắng, viền màu xanh; bên trong các túi zip đều có chứa tinh thể rắn màu trắng; số tiền 900.000 đồng (trong đó có: 300.000 đồng là tiền riêng của C; 600.000 đồng tiền C bán ma túy cho Q, Đ mà có; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr màu đen;

Khám xét nơi C ở, thu giữ: 01 cân điện tử màu xám nhãn hiệu Digital Scak 100g x 0,01g kích thước (07 x 04 x 1,3) cm; 05 túi nilon nhỏ dạng túi zip màu trắng, mép viền màu xanh, kích thước đồng đều (02 x 02) cm. Đã chuyển chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn;

+ Thu giữ của Q: 01 túi nilon dạng túi zip, viền màu xanh, kích thước (02x02) cm bên trong có chứa tinh thể rắn, màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C30s. Đã chuyển chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn;

+ Thu giữ của Đỗ Văn H: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 15K1 - 279.67, đã trả chủ sở hữu hợp pháp - ông Đỗ Văn V nhận lại.

Các túi nilon dạng túi zip màu trắng bị thu giữ, bên trong đều có chứa tinh thể rắn, màu trắng, nghi là chất ma túy chuyển giám định. Khối lượng ma túy còn lại sau giám định, được đựng trong 01 phong bì niêm phong có dấu niêm phong số 746MT/PC09 ngày 21/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng và chữ ký của những người liên quan.

Tại Kết luận giám định số: 746/KL-KTHS(MT) ngày 21/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng, kết luận: *“Tinh thể màu trắng của mẫu số 1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,02 gam, loại Methamphetamine; Tinh thể màu trắng của mẫu số 2 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,14 gam, loại Methamphetamine; Tinh thể màu trắng của mẫu số 3 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,85 gam, loại Methamphetamine”*.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo cùng khai nhận toàn bộ các hành vi đã thực hiện như nội Dung vụ án đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra, C còn khai nhận đã một mình sử dụng hết 04 túi ma túy trong tổng số 15 túi ma túy đã chia.

- Các tình tiết khác có liên quan:

+ Đinh Văn Đ có hành vi tàng trữ trái phép 0,02 gam ma túy loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng. Lượng ma túy Đ tàng trữ chưa đủ cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự nên Cơ quan điều tra ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đ.

+ Đỗ Văn H có hành vi: Ngày 19/9/2023, H đi cùng Q nhưng không biết Q đi mua ma túy, H không đưa Q tiền để mua ma túy, không biết Q mua ma túy của ai, ở đâu, số lượng bao nhiêu, không sử dụng ma túy cùng Q, phù hợp với lời khai của Q. Ngoài lời khai của H và Q, không còn chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra không xử lý.

+ Đối với người đàn ông bán ma túy cho Đoàn Văn C ngày 16/9/2023, hiện chưa xác định được lai lịch, địa chỉ, ngoài lời khai của C, không còn chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKSĐS ngày 05/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn truy tố Đoàn Văn C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố Phạm Văn Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ về các hành vi đã thực hiện phù hợp với nhau, phù hợp với các tình tiết khác có liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như nội Dung vụ án đã nêu và còn khai: Bị cáo C làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng hoặc nguồn thu nào khác; bị cáo Q không có việc làm, thuộc hộ cận nghèo được hưởng trợ cấp tại địa phương, sống nhờ kinh tế của mẹ đẻ.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của các bị cáo; đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội Dung bản cáo trạng; đề xuất với Hội đồng xét xử về mức hình phạt, xử lý vật chứng, các vấn đề khác cần giải quyết trong vụ án như sau:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đoàn Văn C từ 09 (chín) năm đến 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/9/2023.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Văn Q từ 21 (hai mươi một) đến 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/9/2023.

- Về hình phạt bổ sung:

+ Áp dụng khoản 5 Điều 251, khoản 2 Điều 35 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo C từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 triệu đồng.

+ Qua điều tra, bị cáo Q không có việc làm ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Q.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu huỷ: 01 cân điện tử màu xám nhãn hiệu Digital Scak; 05 túi nhỏ nilon màu trắng dạng túi zip có mép viền màu xanh kích thước đồng đều (02 x 02) cm; khối lượng ma túy còn lại sau giám định, được đựng trong 01 (một) bì giấy có dấu niêm phong số 746MT/PC09 ngày 21/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng và chữ ký của những người liên quan;

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 600.000 đồng tiền do bị cáo C bán ma túy để bị cáo Q và Đ mua ngày 19/9/2023 mà có trong số tiền 900.000 đồng bị thu giữ khi bắt quả tang;

+ Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 600.000 đồng do bị cáo C bán ma túy để bị cáo Q và Đ mua ngày 16/9/2023 mà có (bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết);

+ Tịch thu, phát mại sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr màu đen thu của bị cáo C, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C30s thu của bị cáo Q;

+ Trả lại bị cáo C 300.000 đồng là tiền riêng của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội trong số tiền 900.000 đồng bị thu giữ khi bắt quả tang, nhưng bị tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Tổng cộng bị cáo C còn phải nộp 300.000 đồng;

+ Đinh Văn Đ dùng 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 12 màu đen vào việc mua ma túy, do hành vi tàng trữ trái phép 0,02 gam ma túy Methamphetamine của Đ chưa đến mức bị xử lý hình sự, chỉ xử phạt hành chính nên được trả lại.

Theo biên bản giao nhận vật chứng và Biên lai thu tiền số 0005515 cùng ngày 05/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn.

- Về án phí:

+ Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo C phải nộp 200.000^đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

+ Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Q được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm do thuộc hộ cận nghèo.

- Về vấn đề khác:

+ Đinh Văn Đ có hành vi tàng trữ 0,02 gam ma túy Methamphetamine, mục đích để sử dụng. Lượng ma túy Đ tàng trữ chưa đủ cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan điều tra ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đ.

+ Đỗ Văn H có hành vi đi cùng Q ngày 19/9/2023, khi Q mua ma túy H không biết, không đưa Q tiền để mua ma túy, không biết Q mua ma túy của ai, ở đâu, số lượng bao nhiêu, không sử dụng ma túy cùng Q, phù hợp với lời khai của Q. Ngoài lời khai của H và Q, không còn chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra không xử lý.

+ Đối với người đàn ông bán ma túy cho Đoàn Văn C ngày 16/9/2023, hiện chưa xác định được lai lịch, địa chỉ, ngoài lời khai của C, không còn chứng cứ nào khác nên không có căn cứ xử lý.

+ Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo C thay đổi lời khai với nội Dung: Bị cáo mua ma túy, mang về nhà và chia toàn bộ ma túy ra 15 gói nhỏ bằng cân tiểu ly, khối lượng mỗi gói khoảng 0,24 gam. Nội Dung trên khác với lời khai cuối cùng của bị cáo tại cơ quan điều tra. Xét thấy việc thay đổi lời khai không làm thay đổi tội danh của các bị cáo và việc giải quyết vụ án nên Viện kiểm sát sẽ kiến nghị đối với Cơ quan điều tra để làm rõ sau.

Sau khi đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, đề xuất về mức hình phạt và các vấn đề khác cần giải quyết trong vụ án. Các bị cáo đều không tự bào chữa, bị cáo Q nhờ người bào chữa - bà Hòa bào chữa cho bị cáo.

Bà Hòa trình bày nội Dung bào chữa cho bị cáo Q:

Về tội danh: Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, nên đồng ý không có ý kiến gì.

Về nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội, tính chất của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân của bị cáo không có nghề nghiệp, thuộc hộ cận nghèo, sống phụ thuộc vào gia đình, trình độ học vấn lớp 4, thiếu hiểu biết về pháp luật, là người nghiện ma túy do bị bạn bè rủ rê. Hành vi của bị cáo đơn giản, không có những thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt. Bị cáo tàng trữ ma túy để phục vụ cho bản thân, khối lượng ma túy là Methamphetamine bị cáo tàng trữ 0,14 gam, chỉ cao hơn mức khởi điểm 0,04 gam. Theo quy định tại Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất thì “Methamphetamine

thuộc các chất ma túy được sử dụng hạn chế mà không thuộc danh mục các chất ma túy tuyệt đối cấm sử dụng ...”. Do vậy, đề nghị cân nhắc nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội, khối lượng ma túy khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự do bị cáo “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” là phù hợp, nên đồng ý không có ý kiến gì. Đề nghị xem xét thêm về việc khi bị cáo bị bắt quả tang “Tàng trữ trái phép chất ma túy” vào ngày 19/9/2023. Tại biên bản lấy lời khai lần đầu tiên ngày 19/9/2023 (BL 303-304), bị cáo Q đã khai có hành vi mua ma túy của C vào ngày 16/9/2023. Lời khai của Q giúp các cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện ra hành vi bán ma túy của C ngày 16/9/2023. Đề nghị cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm”. Thành phố Hải Phòng là đô thị loại 1, nhưng bị cáo mới học hết lớp 4, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự, nên đề nghị cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ này.

Về trách nhiệm hình sự: Như đã phân tích ở trên, bị cáo không có tiền án, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị căn cứ điểm c khoản 1 điều 249, điểm s, t khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự, mở lượng khoan hồng xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, cho bị cáo hưởng mức án dưới mức thấp nhất mà vị đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị để bị cáo sớm trở về với gia đình, chăm sóc mẹ già, làm lại cuộc đời.

Về hình phạt bổ sung, án phí: Như Kiểm sát viên đã đề nghị là phù hợp, nên nhất trí, không có ý kiến gì khác.

Kiểm sát viên đối đáp: Không đồng ý với đề nghị của bà Hòa - người bào chữa về việc bị cáo Q khai thêm về hành vi mua trái phép chất ma túy ngày 16/9/2023; nên bà Hòa cho rằng đây là tình tiết “người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án” để đề nghị áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đã áp dụng tình tiết “... thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Không đồng ý với đề nghị của người bào chữa về việc “Do bị cáo mới học hết lớp 4, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo” nên đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự vì pháp luật không quy định đó là tình tiết giảm nhẹ.

Người bào chữa cho bị cáo - bà Hòa đối đáp: Giữ nguyên các ý kiến đã đề nghị với Hội đồng xét xử.

Kiểm sát viên đối đáp: Giữ nguyên quan điểm như đã đề xuất, đối đáp.

Sau khi Kiểm sát viên tranh luận, đối đáp với người bào chữa, các bị cáo không tranh luận, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội Dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Đồ Sơn, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.1] Đối với 03 người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ, nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa - không có lý do. Tuy nhiên, họ đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của các bị cáo, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xác định, sự vắng mặt đó không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về tội danh, điều luật áp dụng:

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; phù hợp với lời khai của những người làm chứng, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định ma túy, sơ đồ, bản ảnh hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện như sau:

[2.1] Từ ngày 16/9/2023 đến ngày 19/9/2023, tại phía trước của nhà nơi Đoàn Văn C ở thuộc tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Đoàn Văn C đã thực hiện hành vi 04 lần bán trái phép chất ma túy (02 lần bán cho Đinh Văn Đ, 02 lần bán cho Phạm Văn Q), thu lợi bất chính 800.000 đồng (mỗi lần 200.000 đồng). C bán ma túy đến lần thứ tư thì bị bắt quả tang và bị thu giữ 2,01 gam ma túy loại Methamphetamine (theo Kết luận giám định số: 746/KL-KTHS(MT) ngày 21/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng). Vì vậy, hành vi của bị cáo C đã có đủ các yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự;

[2.2] Ngày 19/9/2023, tại tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng, Phạm Văn Q có hành vi tàng trữ 0,14 gam ma túy loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng thì bị bắt quả tang. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Q đã có đủ các yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết định khung:

[3] Với hành vi nêu trên của bị cáo C, xác định: Bị cáo 04 lần thực hiện hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" nên phải chịu tình tiết định khung "*Phạm tội 02 lần trở lên*" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3.1] Với hành vi nêu trên của bị cáo Q, xác định: Bị cáo "*Tàng trữ trái phép 0,14 gam Methamphetamine*" nên phải chịu tình tiết định khung "*... Methamphetamine, ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4] Các bị cáo không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, các bị cáo cùng có nhân thân xấu, đều đã từng bị xét xử do phạm tội (đều đã được xóa án tích), bị cáo Q đang trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, tiếp tục phạm tội. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm đối với các bị cáo.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Các bị cáo đều "*Thành khẩn khai báo, ...*" nên cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét các đề xuất của Kiểm sát viên đều là phù hợp, có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ; xét các đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Q về việc đề nghị áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo để đề nghị quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất mà Kiểm sát viên đã đề xuất là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Về hình phạt:

[7] Về hình phạt chính: Từ những phân tích về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đánh giá hành vi phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" của bị cáo C thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" của bị cáo Q thuộc loại tội phạm nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến độc quyền quản lý các chất

ma túy của Nhà nước, trật tự an toàn xã hội; gây ảnh hưởng đến sức khỏe của bản thân bị cáo, kinh tế gia đình của bị cáo, còn là nguyên nhân có thể làm phát sinh loại tội phạm khác. Xác định loại hình phạt: Hội đồng xét xử nhận thấy, cần bắt các bị cáo phải tiếp tục cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng để rắn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[8] Về hình phạt bổ sung:

[8.1] Áp dụng khoản 5 Điều 251, khoản 2 Điều 35 Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung bị cáo C 5.000.000 đồng;

[8.2] Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, do bị cáo Q không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng có giá trị, bị cáo thuộc hộ cận nghèo được hưởng trợ cấp hàng tháng tại địa phương. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát, người bào chữa cùng đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là có căn cứ, được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không phạt tiền đối với bị cáo Q.

- Về các biện pháp tư pháp:

[9] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

[9.1] Tịch thu tiêu huỷ: 01 cân điện tử màu xám nhãn hiệu Digital Scak; 05 túi nhỏ nylon màu trắng dạng túi zip có mép viền màu xanh kích thước đồng đều (02 x 02) cm; khối lượng ma túy còn lại sau giám định, được đựng trong 01 (một) bì giấy có dấu niêm phong số 746MT/PC09 ngày 21/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng và chữ ký của những người liên quan;

[9.2] Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 600.000 đồng là tiền do bị cáo C bán ma túy để bị cáo Q, Đ mua ngày 19/9/2023 mà có trong số tiền 900.000 đồng bị thu giữ khi bắt quả tang;

[9.3] Buộc bị cáo C phải nộp lại số tiền 600.000 đồng do bị cáo bán ma túy để bị cáo Q và Đ mua ngày 16/9/2023 mà có (bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết) để sung ngân sách nhà Nước;

[9.4] Tịch thu, phát mại sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C30s;

[9.5] Trả lại bị cáo C 300.000 đồng (là tiền riêng của bị cáo, không dùng vào phạm tội) trong số tiền 900.000 đồng bị thu giữ khi bắt quả tang; nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

[9.6] Đinh Văn Đ có hành vi dùng 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 12 màu đen của Đ để liên hệ với C mua ma túy. Tuy nhiên, do hành vi tàng trữ trái phép

0,02 gam ma túy Methamphetamine của Đ chưa đến mức bị xử lý hình sự, chỉ bị xử phạt hành chính nên được trả lại điện thoại nêu trên.

Theo biên bản giao nhận vật chứng và Biên lai thu tiền số 0005515 cùng ngày 05/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn.

- Các vấn đề khác:

[10] Về án phí: Bị cáo C phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Bị cáo Q được miễn nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm do thuộc hộ cận nghèo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[12] Các tình tiết khác có liên quan như nội Dung vụ án đã nêu. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Đồ Sơn đã xử lý, giải quyết; không xử lý, giải quyết đều phù hợp, có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Về hình phạt chính:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn C.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn Q.

Tuyên bố:

+ Bị cáo Đoàn Văn C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

+ Bị cáo Phạm Văn Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt:

+ Bị cáo Đoàn Văn C 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 19 tháng 9 năm 2023.

+ Bị cáo Phạm Văn Q 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 19 tháng 9 năm 2023.

- Về hình phạt bổ sung:

+ Căn cứ khoản 5 Điều 251, khoản 2 Điều 35 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo C 5.000.000^d (năm triệu đồng);

+ Cho bị cáo Q được miễn hình phạt bổ sung: Không phạt tiền.

- Các biện pháp Tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu huỷ: 01 cân điện tử màu xám nhãn hiệu Digital Scak; 05 túi nhỏ nilon màu trắng dạng túi zip, có mép viền màu xanh, kích thước đồng đều (02 x 02) cm; khối lượng ma túy còn lại sau giám định, được đựng trong 01 (một) bì giấy có dấu niêm phong số 746MT/PC09 ngày 21/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng và chữ ký của những người liên quan;

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 600.000^d (sáu trăm nghìn đồng) là tiền do bị cáo C bán ma túy để bị cáo Q và Đ mua ngày 19/9/2023 mà có nằm trong số tiền 900.000^d (chín trăm nghìn đồng) bị thu giữ khi bắt quả tang;

+ Buộc bị cáo C phải nộp lại số tiền 600.000^d (sáu trăm nghìn đồng) do bị cáo bán ma túy để bị cáo Q, Đ mua ngày 16/9/2023 mà có (bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết) để sung ngân sách nhà Nước;

+ Tịch thu, phát mại sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C30s;

+ Trả lại bị cáo C 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) trong số 900.000^d (chín trăm nghìn đồng) bị thu giữ khi bắt quả tang; nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án;

+ Bị cáo C vừa phải nộp lại, vừa được trả lại các số tiền như đã nêu trên. Nên bị cáo còn phải nộp lại 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) để sung công quỹ nhà nước.

+ Trả lại Đinh Văn Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 12 màu đen.

Theo biên bản giao nhận vật chứng và Biên lai thu tiền số 0005515 cùng ngày 05/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn.

- Về án phí:

+ Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo C phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

+ Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Q được miễn nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn, TPHP;
- Trại tạm giam - Công an TPHP;
- Công an quận Đồ Sơn, TPHP + Phòng PV 06 CAHP;
- Cơ quan THAHS cấp Hện + Phòng PC 10 CAHP;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn + Sở Tư pháp TPHP;
- Các bị cáo;
- UBND phường H, Đ, HP;
- UBND xã Đ, K, HP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng